CÔNG TY CỔ PHẦN IN SÁCH GIÁO KHOA HÒA PHÁT

Báo cáo tài chính riêng Quý III năm 2021

Người ký: CÔNG TY CỔ PHẦN IN SÁCH GIÁO KHOA HÒA PHÁT
Ký ngày: 30/10/2021 22:56:40

MỤC LỤC

		Trang
Báo cáo tài chính riêng Quý III năm 2021		
-	Bảng cân đối kế toán riêng Quý III năm 2021	2 - 5
-	Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng Quý III năm 2021	6
-	Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng Quý III năm 2021	7 - 8
-	Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng Quý III năm 2021	9 - 32

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG
Ngày 30 tháng 09 năm 2021

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	30/09/2021	01/01/2021
TÀI SẢN NGẮN HẠN	**100**		**17.661.435.933**	**17.916.883.834**
Tiền và các khoản tương đương tiền	**110**	**6.1**	**716.191.333**	**3.158.680.390**
Tiền	111		716.191.333	3.158.680.390
Các khoản tương đương tiền	112		-	-
Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	**120**		**-**	**-**
Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh (*)	122		-	-
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		-	-
Các khoản phải thu ngắn hạn	**130**		**16.149.167.162**	**13.363.704.585**
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6.2	510.253.843	666.909.469
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	6.3	55.995.585	107.500.000
Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	6.4	12.600.000.000	12.605.000.000
Phải thu ngắn hạn khác	136	6.5	3.031.627.280	20.914.851
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	137	6.6	(112.458.403)	(99.176.443)
Tài sản thiếu chờ xử lý	139		63.748.857	62.556.708
Hàng tồn kho	**140**	**6.7**	**573.960.809**	**1.163.473.648**
Hàng tồn kho	141		642.519.377	1.233.265.084
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		(68.558.568)	(69.791.436)
Tài sản ngắn hạn khác	**150**		**222.116.629**	**231.025.211**
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	6.8a	155.041.944	190.967.196
Thuế GTGT được khấu trừ	152		-	-
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	6.12	67.074.685	40.058.015
Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG (tiếp theo)
Ngày 30 tháng 09 năm 2021

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	30/09/2021	01/01/2021
TÀI SẢN DÀI HẠN	**200**		**905.686.785.854**	**2.816.142.229**
Các khoản phải thu dài hạn	**210**		-	-
Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
Phải thu dài hạn khác	216		-	-
Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)	219		-	-
Tài sản cố định	**220**		**1.715.616.762**	**2.090.361.073**
Tài sản cố định hữu hình	221	6.9	1.106.476.762	1.481.221.073
- Nguyên giá	222		*24.556.565.017*	*25.174.128.653*
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		*(23.450.088.255)*	*(23.692.907.580)*
Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
- Nguyên giá	225		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	226		-	-
Tài sản cố định vô hình	227	6.10	609.140.000	609.140.000
- Nguyên giá	228		*609.140.000*	*609.140.000*
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		-	-
Bất động sản đầu tư	**230**		-	-
- Nguyên giá	231		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	232		-	-
Tài sản dở dang dài hạn	**240**		-	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
Chi phí XDCB dở dang	242		-	-
Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	**250**	**6.11**	**903.922.840.565**	**606.896.800**
Đầu tư vào công ty con	251		902.540.000.000	-
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		-	-
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		1.410.982.157	685.372.905
Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn (*)	254		(28.141.592)	(78.476.105)
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
Tài sản dài hạn khác	**260**		**48.328.527**	**118.884.356**
Chi phí trả trước dài hạn	261	6.8b	48.328.527	118.884.356
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
Tài sản dài hạn khác	268		-	-
CỘNG TÀI SẢN	**270**		**923.348.221.787**	**20.733.026.063**

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG (tiếp theo)
Ngày 30 tháng 09 năm 2021

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	30/09/2021	01/01/2021
NỢ PHẢI TRẢ	**300**		**846.059.262**	**952.789.490**
Nợ ngắn hạn	**310**		**846.059.262**	**952.789.490**
Phải trả người bán ngắn hạn	311	6.12	183.918.684	450.176.064
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		-	-
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	6.13	22.295.222	26.371.977
Phải trả người lao động	314		48.337.468	392.401.705
Chi phí phải trả ngắn hạn	315		-	-
Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
Phải trả theo tiến độ KH hợp đồng xây dựng	317		-	-
Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
Phải trả ngắn hạn khác	319	6.14	591.507.888	83.839.744
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320		-	-
Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		-	-
Quỹ bình ổn giá	323		-	-
Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
Nợ dài hạn	**330**		-	-
Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
Phải trả dài hạn khác	337		-	-
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338		-	-
Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG (tiếp theo)

Ngày 30 tháng 09 năm 2021

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	30/09/2021	01/01/2021
VỐN CHỦ SỞ HỮU	**400**		**922.502.162.525**	**19.780.236.573**
Vốn chủ sở hữu	**410**	**6.15**	**922.502.162.525**	**19.780.236.573**
Vốn góp của chủ sở hữu	411		918.049.800.000	18.049.800.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		*918.049.800.000*	*18.049.800.000*
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
Thặng dư vốn cổ phần	412		1.686.327.380	(60.093.500)
Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
Cổ phiếu quỹ (*)	415		-	(914.353.746)
Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
Quỹ đầu tư phát triển	418		1.914.347.993	1.914.347.993
Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		851.687.152	790.535.826
- LNST chưa PP lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		790.535.826	625.978.112
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		61.151.326	164.557.714
Nguồn vốn đầu tư XDCB	422		-	-
Nguồn kinh phí	**430**		-	-
Nguồn kinh phí	432		-	-
Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	433		-	-
CỘNG NGUỒN VỐN	**440**		**923.348.221.787**	**20.733.026.063**

Ngày 30 tháng 10 năm 2021

Kế toán trưởng	Tổng Giám đốc
ĐỖ TUẤN ANH	PHẠM DUY

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG
Quý III năm 2021

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Quý III năm 2021	Quý III năm 2020	Từ 01/01/2021 đến 30/09/2021	Từ 01/01/2020 đến 30/09/2020
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	7.1	**640.836.610**	**1.396.329.052**	**4.639.078.431**	**6.992.290.363**
Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-	-	-
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	**10**	**7.1**	**640.836.610**	**1.396.329.052**	**4.639.078.431**	**6.992.290.363**
Giá vốn hàng bán	11	7.2	828.078.882	1.210.297.029	4.592.685.956	6.205.384.557
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	**20**		**(187.242.272)**	**186.032.023**	**46.392.475**	**786.905.806**
Doanh thu hoạt động tài chính	21	7.3	644.589.271	264.496.242	1.224.446.981	871.441.052
Chi phí tài chính	22	7.4	14.905.340	-	41.074.110	31.663.926
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		-	-	-	-
Chi phí bán hàng	25	7.5	-	-	19.668.182	2.000.000
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	7.6	424.369.677	611.255.757	1.219.367.703	1.447.334.924
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	**30**		**18.071.982**	**(160.727.492)**	**(9.270.539)**	**177.348.008**
Thu nhập khác	31	7.7	-	40.224.294	78.683.592	40.224.294
Chi phí khác	32	7.8	-	10.040.846	2.610.496	11.667.468
Lợi nhuận khác	40		-	**30.183.448**	**76.073.096**	**28.556.826**
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	**50**		**18.071.982**	**(130.544.044)**	**66.802.557**	**205.904.834**
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	7.9	3.614.396	(26.108.792)	5.651.231	32.093.092
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-	-	-
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	**60**		**14.457.586**	**(104.435.252)**	**61.151.326**	**173.811.742**

Ngày 30 tháng 10 năm 2021

Kế toán trưởng	Tổng Giám đốc
ĐỖ TUẤN ANH	PHẠM DUY

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG (Theo phương pháp gián tiếp)

Quý III năm 2021

Đơn vị: VND

KHOẢN MỤC	Mã số	Từ 01/01/2021 đến 30/09/2021	Từ 01/01/2020 đến 30/09/2020
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
Lợi nhuận trước thuế	01	66.802.557	205.904.834
Điều chỉnh cho các khoản			
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	156.538.494	395.246.376
- Các khoản dự phòng	03	(38.285.421)	29.218.541
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	-	-
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(1.187.559.814)	(869.002.950)
- Chi phí lãi vay	06	-	-
- Các khoản điều chỉnh khác	07	-	-
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	(1.002.504.184)	(238.633.199)
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	(2.076.533.259)	(140.999.286)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	590.745.707	635.041.787
- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	(599.713.558)	(18.613.553)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	106.481.081	147.948.129
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13	-	-
- Tiền lãi vay đã trả	14	-	-
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(32.667.901)	(3.340.805)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	-	-
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17	-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	**20**	**(3.014.192.114)**	**381.403.073**
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	-	-
Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn	22	272.727.273	-
Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	-	-
Tiền thu hồi cho vay, bán lại công cụ nợ của đơn vị khác	24	5.000.000	-
Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(904.149.035.000)	(247.650.000)
Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	1.312.017.125	150.510.000
Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	470.219.033	77.248.720
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	**30**	**(902.089.071.569)**	**(19.891.280)**

CÔNG TY CỔ PHẦN IN SÁCH GIÁO KHOA HÒA PHÁT
Địa chỉ: Số 157 Tôn Đức Thắng, Phường Hoà An, Quận Cẩm Lệ, TP Đà Nẵng

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG (Theo phương pháp gián tiếp)

Quý III năm 2021

Đơn vị: VND

KHOẢN MỤC	Mã số	Từ 01/01/2021 đến 30/09/2021	Từ 01/01/2020 đến 30/09/2020
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	902.660.774.626	-
Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32	-	-
Tiền thu từ đi vay	33	-	-
Tiền trả nợ gốc vay	34	-	-
Tiền trả nợ thuê tài chính	35	-	-
Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	902.660.774.626	-
LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TRONG NĂM	50	(2.442.489.057)	361.511.793
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	3.158.680.390	555.156.565
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-	-
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	716.191.333	916.668.358

Ngày 30 tháng 10 năm 2021

Kế toán trưởng	Tổng Giám đốc
ĐỖ TUẤN ANH	PHẠM DUY

Báo cáo tài chính này phải được đọc chung với các thuyết minh kèm theo.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG
Quý III năm 2021

1 ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần In Sách Giáo khoa Hòa Phát được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 0400459486 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Đà Nẵng cấp lần đầu ngày 12 tháng 01 năm 2004, đăng ký thay đổi lần thứ mười ngày 21 tháng 01 năm 2021.

Vốn điều lệ của Công ty theo đăng ký là 918.049.800.000 đồng, vốn điều lệ thực góp đến ngày 30 tháng 09 năm 2021 là 918.049.800.000 đồng; tương đương 91.804.980 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng.

Mã chứng khoán của Công ty là HTP.

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

In ấn: In sách giáo khoa, sách báo tạp chí, tập san, nhân, biểu, sản phẩm bao bì và các loại giấy tờ quản lý kinh tế xã hội;

Sản xuất các sản phẩm khác từ giấy và bìa chưa được phân vào đâu: Sản xuất các loại sản phẩm: Giấy kẻ, vở học sinh, nhãn vở, sổ tay và các loại văn phòng phẩm;

Bán buôn kinh doanh khác chưa được phân vào đâu: bán buôn các loại sản phẩm giấy kẻ, vở học sinh, nhãn vở, sổ tay và các loại văn phòng phẩm, bán buôn vật tư thiết bị ngành in, bán buôn thiết bị, dụng cụ giáo dục, nhập khẩu vật tư, thiết bị kỹ thuật in phục vụ sản xuất kinh doanh;

Hoạt động xuất bản khác: Tổ chức liên kết xuất bản, in và phát hành lịch, sách, báo, tạp chí và các ấn phẩm khác;

Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình: bán buôn sách;

Sản xuất khác chưa được phân vào đâu: Sản xuất thiết bị, dụng cụ giáo dục;

Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê; Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất; Quảng cáo; Điều hành tour du lịch; Vệ sinh nhà cửa và công trình khác; Dịch vụ chăm sóc và duy trì cảnh quan;

Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất;

Hoạt động tư vấn quản lý (trừ tư vấn tài chính, kế toán, pháp lý).

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

Cấu trúc doanh nghiệp

Công ty có trụ sở tại 157 Tôn Đức Thắng, Phường Hoà An, Quận Cẩm Lệ, TP Đà Nẵng.

Các công ty con của Công ty tính đến ngày 30 tháng 09 năm 2021 gồm:

Tên công ty	*Địa chỉ trụ sở chính*	*Ngành nghề kinh doanh*	*Tỷ lệ lợi ích*	*Tỷ lệ quyền biểu quyết*
Công ty Cổ phần Hưng Vượng Developer (1)	TP. Hồ Chí Minh	Kinh doanh bất động sản	62,75%	62,75%
Công ty Cổ Phần In Sách Hòa Phát (2)	TP. Đà Nẵng	In ấn	52,00%	52,00%
Công ty Cổ phần Thương mại và Dịch vụ Danh Việt (3)	TP. Hồ Chí Minh	Kinh doanh bất động sản, thương mại, dịch vụ.	38,84%	61,90%
Công ty TNHH Hưng Vượng AMC (4)	TP. Hồ Chí Minh	Kinh doanh bất động sản, thương mại, dịch vụ.	50,07%	99,00%
Công ty TNHH Hưng Vượng Hospitality (5)	TP. Hồ Chí Minh	Kinh doanh bất động sản, thương mại, dịch vụ.	33,72%	99,00%

(1) Trong kỳ, Công ty đã phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ từ 18,049 tỷ VND lên 918,049 tỷ VND để đầu tư vào Công ty Cổ phần Hưng Vượng Developer ("Hưng Vượng") với mục đích mở rộng ngành nghề kinh doanh sang đầu tư kinh doanh bất động sản. Theo đó Công ty đã mua lại 62,75% cổ phần của Hưng Vượng với giá mua là 902,020 tỷ VND (số vốn điều lệ tại thời điểm mua của Hưng Vượng là 1.208 tỷ VND). Tại ngày 11/01/2021, Hưng Vượng chính thức trở thành công ty con của Công ty với tỷ lệ lợi ích và tỷ lệ biểu quyết là 62,75%..

(2) Thực hiện Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 1404/2021/NQ-HDQT ngày 14 tháng 04 năm 2021, Công ty đã mua lại 52,00% cổ phần của Công ty Cổ phần In sách Hòa Phát với giá mua là 520 triệu VND. Công ty này hoạt động trong lĩnh vực in ấn với số vốn điều lệ tại thời điểm mua là 1 tỷ VND. Tại ngày 15/04/2021, Công ty Cổ phần In sách Hòa Phát chính thức trở thành công ty con của Công ty với tỷ lệ lợi ích và tỷ lệ biểu quyết là 52,00%.

(3) Công ty Cổ phần Thương mại và Dịch vụ Danh Việt là công ty con gián tiếp thông qua Công ty Cổ phần Hưng Vượng Developer (là công ty con mà Công ty nắm giữ 62,75% quyền biểu quyết). Tỷ lệ biểu quyết gián tiếp là 61,9%. Tỷ lệ lợi ích gián tiếp là 38,84%.

(4) Công ty TNHH Hưng Vượng AMC là công ty con gián tiếp thông qua Công ty Cổ phần Hưng Vượng Developer (là công ty con mà Công ty nắm giữ 62,75% quyền biểu quyết). Tỷ lệ lợi ích và tỷ lệ biểu quyết của Công ty Cổ phần Hưng Vượng Developer tại công ty này lần lượt là 79,8% và 99%. Dẫn đến tỷ lệ lợi ích gián tiếp và biểu quyết gián tiếp tại công này lần lượt là 50,07% và 99%.

(5) Công ty TNHH Hưng Vượng Hospitality là công ty con gián tiếp thông qua Công ty Cổ phần Hưng Vượng Developer (là công ty con mà Công ty nắm giữ 62,75% quyền biểu quyết). Tỷ lệ lợi ích và tỷ lệ biểu quyết của Công ty Cổ phần Hưng Vượng Developer tại công ty này lần lượt là 53,74% và 99%. Dẫn đến tỷ lệ lợi ích gián tiếp và biểu quyết gián tiếp tại công này lần lượt là 33,72% và 99%.

2 CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG QUÝ III NĂM 2021

Chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Báo cáo tài chính riêng được lập phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp.

3 NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 năm dương lịch.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là đồng Việt Nam (VND).

4 TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN QUAN TRỌNG

4.1. Ước tính kế toán

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng Quý III năm 2021 của Công ty tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày kết thúc kỳ tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

4.2. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi ngân hàng (không kỳ hạn).

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm báo cáo.

4.3. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào các công ty con được ghi nhận ban đầu trên sổ kế toán theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, giá trị của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm: các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư. Giá trị ghi sổ ban đầu của các khoản đầu tư này được được xác định theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, giá trị của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư được lập vào thời điểm cuối kỳ cụ thể như sau:

- Đối với các khoản đầu tư chứng khoán kinh doanh: căn cứ trích lập dự phòng là số chênh lệch giữa giá gốc của các khoản đầu tư được hạch toán trên sổ kế toán lớn hơn giá trị thị trường của chúng tại thời điểm lập dự phòng.
- Đối với khoản đầu tư nắm giữ lâu dài (không phân loại là chứng khoán kinh doanh) và không có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư: nếu khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý của khoản đầu tư được xác định tin cậy thì việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu; nếu khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo thì việc lập dự phòng căn cứ vào Báo cáo tài chính tại thời điểm trích lập dự phòng của bên được đầu tư.

4.4. Nợ phải thu

Các khoản phải thu trình bày trong Báo cáo tài chính riêng theo giá trị ghi sổ phải thu từ khách hàng của Công ty và các khoản phải thu khác cộng với dự phòng nợ phải thu khó đòi. Tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Khoản phải thu có thời gian thu hồi hoặc thanh toán dưới 1 năm (hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là Tài sản ngắn hạn;
- Khoản phải thu có thời gian thu hồi hoặc thanh toán trên 1 năm (hoặc nhiều hơn một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là Tài sản dài hạn;

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản phải thu không được khách hàng thanh toán phát sinh đối với số dư các khoản phải thu vào ngày kết thúc kỳ tài chính.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên hoặc các khoản phải thu mà khách nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự (không bao gồm những khách hàng đã quá hạn trên nhưng đang tiến hành thanh toán hoặc có cam kết thanh toán trong thời gian tới).

4.5. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm: chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Sau ghi nhận ban đầu, tại thời điểm lập Báo cáo tài chính nếu giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại;
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang được tập hợp theo chi phí phát sinh thực tế cho từng loại sản phẩm chưa hoàn thành.

Giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho được xác định bằng giá bán ước tính trừ đi các chi phí ước tính để tiêu thụ được hàng tồn kho.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho với giá trị được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho các vật tư, hàng hóa tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được theo quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 02 "Hàng tồn kho" và Thông tư 48/2019/TT-BTC ban hành ngày 08/08/2019 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hóa, công trình xây lắp tại doanh nghiệp.

4.6. Tài sản cố định và khấu hao tài sản cố định

Tài sản cố định được phản ánh theo nguyên giá và giá trị hao mòn luỹ kế.

Tài sản cố định hữu hình

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử. Các chi phí nâng cấp tài sản cố định hữu hình được vốn hóa, ghi tăng nguyên giá tài sản cố định; các chi phí bảo trì, sửa chữa được tính vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm. Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và bất kỳ các khoản lãi lỗ nào phát sinh do thanh lý tài sản cố định hữu hình đều được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh.

Khấu hao TSCĐ hữu hình được tính theo phương pháp đường thẳng, áp dụng cho tất cả các tài sản theo tỷ lệ được tính toán để phân bổ nguyên giá trong suốt thời gian ước tính sử dụng và phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn Chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định, Thông tư số 147/2016/TT-BTC ngày 13/10/2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2013/TT-BTC và Thông tư số 28/2017/TT-BTC ngày 12/04/2017 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2013/TT-BTC và thông tư số 147/2016/TT-BTC.

Thời gian trích khấu hao tài sản cố định hữu hình của công ty như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	08 - 15 năm
- Máy móc, thiết bị	15 - 16 năm
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	08 - 10 năm

4.7. Tài sản cố định vô hình

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và các chi phí trực tiếp liên quan đến việc chuẩn bị để đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí nâng cấp tài sản được vốn hóa vào nguyên giá tài sản cố định; các chi phí khác được tính vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm. Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và bất kỳ các khoản lãi lỗ nào phát sinh do thanh lý tài sản cố định hữu hình đều được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh.

Khấu hao TSCĐ vô hình được tính theo phương pháp đường thẳng, áp dụng cho tất cả các tài sản theo tỷ lệ được tính toán để phân bổ nguyên giá trong suốt thời gian ước tính sử dụng và phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn Chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định, Thông tư số 147/2016/TT-BTC ngày 13/10/2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2013/TT-BTC và Thông tư số 28/2017/TT-BTC ngày 12/04/2017 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2013/TT-BTC và thông tư số 147/2016/TT-BTC ngày 13/10/2016.

Quyền sử dụng đất

Là quyền sử dụng đất tại 157 Tôn Đức Thắng, phường Hòa An, quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng, diện tích 3.242,5 m2. Thời gian sử dụng là lâu dài nên không trích khấu hao.

4.8. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm công cụ dụng cụ, giá trị của các tài sản không có đủ tiêu chuẩn là TSCĐ, chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định và các chi phí trả trước khác. Chi phí trả trước sẽ được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh trong thời gian hợp lý kể từ khi phát sinh.

4.9. Nợ phải trả

Các khoản phải trả trình bày trong Báo cáo tài chính riêng theo giá trị ghi sổ phải trả cho nhà cung cấp của Công ty và các khoản phải trả khác và được chi tiết cho từng đối tượng phải trả. Tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Khoản phải trả có thời hạn thanh toán dưới 1 năm (hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là ngắn hạn;
- Khoản phải trả có thời hạn thanh toán trên 1 năm (hoặc nhiều hơn một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là dài hạn.

4.10. Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

Các quỹ

Các quỹ được trích lập và sử dụng theo Điều lệ Công ty.

Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

4.11. Doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi kết quả giao dịch được xác định một cách đáng tin cậy và Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch này.

(i) Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua và hàng hóa đã được giao cho người mua và được chấp nhận của khách hàng.

(ii) Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích đã được chuyển giao cho khách hàng, dịch vụ đã được cung cấp và được khách hàng chấp nhận.

(iii) Doanh thu hoạt động tài chính bao gồm doanh thu phát sinh từ lãi tiền gửi, lãi tiền cho vay, lãi chênh lệch tỷ giá, và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác. Lãi tiền gửi, lãi tiền vay được xác định trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

(iv) Thu nhập khác bao gồm các khoản thu nhập khác ngoài hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty: nhượng bán, thanh lý tài sản cố định; tiền phạt do khách hàng vi phạm hợp đồng; tiền bồi thường của bên thứ ba để bù đắp cho tài sản bị tổn thất; ...

4.12. Chi phí hoạt động tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Các khoản lỗ do thanh lý, chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch bán chứng khoán;
- Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác...

4.13. Thuế

Thuế Giá trị gia tăng (GTGT):

Thuế suất thuế GTGT đối với các dịch vụ của Công ty là 10%.

Thuế Thu nhập Doanh nghiệp (TNDN):

Công ty được áp dụng mức thuế suất thuế TNDN là 20%.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") trong kỳ, nếu có, bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ với thuế suất áp dụng trong kỳ tài chính. Thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa kế toán thuế và kế toán tài chính cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập hay chi phí không phải chịu thuế hay không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích Báo cáo tài chính riêng và các giá trị dùng cho mục đích tính thuế. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

4.14. Các bên liên quan

Việc trình bày mối quan hệ với các bên liên quan và các giao dịch giữa doanh nghiệp với các bên liên quan được thực hiện theo Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 26 "Thông tin về các bên liên quan" được ban hành và công bố theo Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2003 của Bộ trưởng Bộ Tài chính, cụ thể:

Các bên liên quan được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các trường hợp được coi là bên liên quan: Các doanh nghiệp - kể cả công ty mẹ, công ty con, công ty liên kết - các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung kiểm soát với Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những chức trách quản lý chủ chốt như Giám đốc, viên chức của Công ty, những thành viên thân cận trong gia đình của các cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được gọi là bên liên quan.

Trong việc xem xét mối quan hệ của từng bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý chứ không phải là hình thức pháp lý.

4.15. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Công ty không tính chỉ tiêu này trên Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ vì theo quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 30 "Lãi trên cổ phiếu", trường hợp doanh nghiệp phải lập cả Báo cáo tài chính riêng và Báo cáo tài chính hợp nhất thì chỉ phải trình bày thông tin về lãi trên cổ phiếu theo quy định của chuẩn mực này trên Báo cáo tài chính hợp nhất.

5 Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong kỳ kế toán có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính riêng Quý III năm 2021

- Trong kỳ, Công ty đã phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ từ 18,049 tỷ VND lên 918,049 tỷ VND để đầu tư vào Công ty Cổ phần Hưng Vượng Developer ("Hưng Vượng") với mục đích mở rộng ngành nghề kinh doanh sang đầu tư kinh doanh bất động sản. Theo đó Công ty đã mua lại 62,75% cổ phần của Hưng Vượng với giá mua là 902,020 tỷ VND (số vốn điều lệ tại thời điểm mua của Hưng Vượng là 1.208 tỷ VND). Tại ngày 11/01/2021, Hưng Vượng chính thức trở thành công ty con của Công ty với tỷ lệ lợi ích và tỷ lệ biểu quyết là 62,75%.
- Thực hiện Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 1404/2021/NQ-HDQT ngày 14 tháng 04 năm 2021, Công ty đã mua lại 52,00% cổ phần của Công ty Cổ phần In sách Hòa Phát với giá mua là 520 triệu VND. Công ty này hoạt động trong lĩnh vực in ấn với số vốn điều lệ tại thời điểm mua là 1 tỷ VND. Tại ngày 15/04/2021, Công ty Cổ phần In sách Hòa Phát chính thức trở thành công ty con của Công ty với tỷ lệ lợi ích và tỷ lệ biểu quyết là 52,00%.

6 THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG QUÝ III NĂM 2021

6.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

	30/09/2021 (VND)	01/01/2021 (VND)
Tiền mặt	1.707.972	6.864.523
Tiền gửi ngân hàng	714.483.361	3.151.815.867
Cộng	**716.191.333**	**3.158.680.390**

6.2 Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	30/09/2021 (VND)	01/01/2021 (VND)
Phải thu khách hàng là bên liên quan	***389.092.440***	***396.086.066***
- Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Giáo dục Đà Nẵng	50.996.407	-
- Nhà xuất bản Giáo dục tại Thành phố Đà Nẵng	195.946.331	396.086.066
- Công ty Cổ phần Sách Giáo dục tại Thành phố Đà Nẵng	24.288.702	-
- Công ty Cổ phần In và Dịch vụ Đà Nẵng	117.861.000	-
Phải thu khách hàng là bên thứ ba	***121.161.403***	***270.823.403***
- Công ty Cổ phần Văn hóa Nhân Văn	-	141.460.000
- Các khách hàng khác	121.161.403	129.363.403
Cộng	**510.253.843**	**666.909.469**

6.3 Trả trước cho người bán ngắn hạn

	30/09/2021 (VND)	01/01/2021 (VND)
Các nhà cung cấp là bên thứ ba	***55.995.585***	***107.500.000***
- Công ty Cổ phần Tư vấn và Đào tạo IRP	-	75.000.000
- Công ty TNHH Thẩm định giá AASC Việt Nam	55.000.000	-
- Các nhà cung cấp khác	995.585	32.500.000
Cộng	**55.995.585**	**107.500.000**

6.4 Phải thu về cho vay ngắn hạn

	30/09/2021 (VND)	01/01/2021 (VND)
- Công ty TNHH Thương mại Xây dựng Xuân Thiên (i)	12.600.000.000	12.605.000.000
Cộng	**12.600.000.000**	**12.605.000.000**

(i) Khoản cho vay theo Hợp đồng vay vốn số 09/2019/HĐVV ngày 25/12/2019, với các điều khoản chi tiết sau: Mục đích vay: phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của Bên vay; Thời hạn của hợp đồng: không xác định kỳ hạn, thời gian trả nợ gốc: trong vòng 15 ngày kể từ ngày Bên vay nhận được văn bản yêu cầu trả gốc của Bên cho vay; Lãi suất cho vay: 8%/năm; Số dư nợ gốc tại thời điểm cuối kỳ: 12.600.000.000 VND; Các hình thức bảo đảm tiền vay: tín chấp.

6.5 Phải thu khác

Phải thu ngắn hạn khác

	30/09/2021 (VND)		01/01/2021 (VND)	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Tạm ứng	**1.990.872.103**	**-**	**15.267.424**	**-**
- Ông Lê Quốc Kỳ Quang (*)	1.945.000.000	-	-	-
- Các nhân viên khác	45.872.103	-	15.267.424	-
Phải thu khác	**1.040.755.177**	**-**	**5.647.427**	**-**
Phải thu ngắn hạn khác các bên thứ ba	***1.040.755.177***	**-**	***5.647.427***	**-**
- Phải thu về cổ phần hóa	1.000.000	-	1.000.000	-
- Phải thu về tiền lãi cho vay	754.227.948	-	-	-
- Phải thu khác	285.527.229	-	4.647.427	-
Cộng	**3.031.627.280**	**-**	**20.914.851**	**-**

(*) Là bên có liên quan của Công ty.

6.6 Nợ xấu

	30/09/2021 (VND)		01/01/2021 (VND)	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Tổng giá trị các khoản phải thu, cho vay quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi:	**112.458.403**	**-**	**112.458.403**	**13.281.960**
- Từ 3 năm trở lên	112.458.403	-	68.185.203	-
- Từ 2 đến dưới 3 năm	-	-	44.273.200	13.281.960
- Từ 1 đến dưới 2 năm	-	-	-	-
- Từ 06 tháng đến dưới 1 năm	-	-	-	-

Tình hình biến động các khoản dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi:

	Từ 01/01/2021 đến 30/09/2021 (VND)	Từ 01/01/2020 đến 30/09/2020 (VND)
Số đầu kỳ	99.176.443	84.065.141
Trích lập dự phòng trong kỳ	13.281.960	-
Hoàn nhập dự phòng trong kỳ	-	-
Số cuối kỳ	**112.458.403**	**84.065.141**

6.7 Hàng tồn kho

	30/09/2021 (VND)		01/01/2021 (VND)	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	379.894.245	50.818.789	401.235.421	52.051.657
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	173.926.238	-	743.330.769	-
Hàng hóa	88.698.894	17.739.779	88.698.894	17.739.779
Cộng	**642.519.377**	**68.558.568**	**1.233.265.084**	**69.791.436**

Tình hình biến động các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho:

	Từ 01/01/2021 đến 30/09/2021 (VND)	Từ 01/01/2020 đến 30/09/2020 (VND)
Số đầu kỳ	69.791.436	-
Trích lập dự phòng trong kỳ	-	-
Hoàn nhập dự phòng trong kỳ	(1.232.868)	-
Số cuối kỳ	**68.558.568**	**-**

6.8 Chi phí trả trước

a. Chi phí trả trước ngắn hạn

	30/09/2021 (VND)	01/01/2021 (VND)
- Công cụ, dụng cụ xuất dùng	6.087.997	21.300.973
- Chi phí sửa chữa chờ phân bổ	13.510.794	146.174.181
- Chi phí bảo hiểm	9.292.993	17.653.330
- Chi phí chờ phân bổ khác	126.150.160	5.838.712
Cộng	**155.041.944**	**190.967.196**

b. Chi phí trả trước dài hạn

	30/09/2021 (VND)	01/01/2021 (VND)
- Chi phí sửa chữa tài sản	48.328.527	118.884.356
Cộng	**48.328.527**	**118.884.356**

6.9 Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc (VND)	Máy móc và thiết bị (VND)	Phương tiện vận tải, truyền dẫn (VND)	Cộng (VND)
Nguyên giá				
01/01/2021	5.704.591.937	18.709.830.222	759.706.494	25.174.128.653
Thanh lý, nhượng bán	-	-	(617.563.636)	(617.563.636)
30/09/2021	**5.704.591.937**	**18.709.830.222**	**142.142.858**	**24.556.565.017**
Trong đó:				
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	*5.490.891.937*	*16.294.375.676*	*142.142.858*	*21.927.410.471*
Giá trị hao mòn				
01/01/2021	5.615.130.484	17.565.096.057	512.681.039	23.692.907.580
Khấu hao trong năm	13.594.095	114.124.761	28.819.638	156.538.494
Thanh lý, nhượng bán	-	-	(399.357.819)	(399.357.819)
30/09/2021	**5.628.724.579**	**17.679.220.818**	**142.142.858**	**23.450.088.255**
Giá trị còn lại				
01/01/2021	89.461.453	1.144.734.165	247.025.455	1.481.221.073
30/09/2021	**75.867.358**	**1.030.609.404**	**-**	**1.106.476.762**

6.10 Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

Là quyền sử dụng đất tại 157 Tôn Đức Thắng, phường Hòa An, quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng, diện tích 3.242,5 m^2. Thời gian sử dụng là lâu dài. Công ty đang thực hiện các thủ tục nhằm đề nghị UBND thành phố Đà Nẵng, Sở Tài nguyên và Môi trường Đà Nẵng cập nhật quyền sử dụng đất từ Chi nhánh Nhà Xuất bản Giáo dục tại Đà Nẵng (tiền thân của Công ty) thành tên Công ty hoặc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mới theo tên Công ty. Thời gian sử dụng là lâu dài nên không trích khấu hao.

6.11 Đầu tư tài chính dài hạn

	30/09/2021 (VND)			01/01/2021 (VND)		
	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý
Đầu tư vào công ty con	***902.540.000.000***	**-**	***(*)***	**-**	**-**	***(*)***
- Công ty Cổ phần Hưng Vượng Developer	902.020.000.000	-	(*)	-	-	(*)
- Công ty Cổ phần In sách Hòa Phát	520.000.000	-	(*)	-	-	(*)
Đầu tư khác vào công ty khác	***1.410.982.157***	***(28.141.592)***	***(*)***	***685.372.905***	***(78.476.105)***	***(*)***
- Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị trường học TP. HCM (Mã CK "STC")	46.894.208	-	61.500.000	187.576.022	(29.176.022)	158.400.000
- Công ty Cổ phần Sách giáo dục tại Hà Nội (Mã CK "EBS")	192.592	(116.592)	76.000	7.414.800	(5.228.000)	2.186.800
- Công ty CP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Đà Nẵng (Mã CK "DAD")	61.870.357	-	76.560.000	117.553.675	(32.623.675)	84.930.000
- Công ty CP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Hà Nội (Mã CK "EID")	-	-	(*)	45.986.888	(5.656.888)	40.330.000

	30/09/2021 (VND)			01/01/2021 (VND)		
	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý
- Công ty Cổ phần Sách giáo dục tại Đà Nẵng (Mã CK "DAE")	-	-	-	106.591.520	(5.791.520)	100.800.000
- Công ty Cổ phần Công trình Giao thông Đồng Nai (Mã CK "DGT")	-	-	-	117.920.000	-	(*)
- Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Xây dựng Hội An (Mã CK "DIH")	-	-	(*)	12.330.000	-	(*)
- Công ty Cổ phần Vận tải Đa phương thức Duyên Hải (Mã CK "TOC")	1.212.025.000	(28.025.000)	1.184.000.000	-	-	(*)
- Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị trường học Quảng Ngãi	60.000.000	-	(*)	60.000.000	-	(*)
- Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị Giáo dục Miền Trung	30.000.000	-	(*)	30.000.000	-	(*)
Cộng	**903.950.982.157**	**(28.141.592)**	**(*)**	**685.372.905**	**(78.476.105)**	**(*)**

(*) Liên quan đến việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản và nợ phải trả tài chính để thuyết minh theo quy định tại Điều 28 Thông tư 210/2009/TT-BTC ngày 06 tháng 11 năm 2009 của Bộ Tài chính, bởi vì không có giá trị niêm yết trên thị trường cho các tài sản và nợ phải trả tài chính của các Công ty trên và Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, hệ thống Kế toán Việt Nam không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý trong trường hợp không có giá trị niêm yết trên thị trường, Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các tài sản và nợ phải trả tài chính này cho mục đích thuyết minh. Giá trị hợp lý của các tài sản và nợ phải trả tài chính nêu trên có thể khác với giá trị ghi sổ.

Thông tin chi tiết về các công ty con của Công ty vào ngày 30/09/2021 như sau:

Tên công ty	*Địa chỉ trụ sở chính*	*Ngành nghề kinh doanh*	*Tỷ lệ lợi ích*	*Tỷ lệ quyền biểu quyết*
Công ty Cổ phần Hưng Vượng Developer (1)	TP. Hồ Chí Minh	Kinh doanh bất động sản	62,75%	62,75%
Công ty Cổ Phần In Sách Hòa Phát (2)	TP. Đà Nẵng	In ấn	52,00%	52,00%

(1) Thực hiện Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên Công ty số 02/2020/NQ-ĐHCĐ ngày 26/04/2020, trong kỳ Công ty đã hoàn tất việc mua lại 62,75% cổ phần của Công ty Cổ phần Hưng Vượng Developer với giá mua 902,020 tỷ VND. Theo đó, tỷ lệ lợi ích và tỷ lệ biểu quyết của Công ty tại công ty con này là 62,75%.

(2) Thực hiện Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 1404/2021/NQ-HDQT ngày 14/04/2021, trong kỳ Công ty đã hoàn tất việc mua lại 52,00% cổ phần của Công ty Cổ phần In sách Hòa Phát với giá mua 520 triệu VND, Công ty này hoạt động trong lĩnh vực in ấn với số vốn điều lệ tại thời điểm mua là 1 tỷ VND. Theo đó, tỷ lệ lợi ích và tỷ lệ biểu quyết của Công ty tại công ty con này là 52,00%.

Tình hình biến động các khoản dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn:

	Từ 01/01/2021 đến 30/09/2021 (VND)	Từ 01/01/2020 đến 30/09/2020 (VND)
Số đầu kỳ	78.476.105	49.257.564
Trích lập dự phòng trong kỳ	28.025.000	44.349.283
Hoàn nhập dự phòng trong kỳ	(78.359.513)	(15.130.742)
Số cuối kỳ	**28.141.592**	**78.476.105**

6.12 Phải trả người bán ngắn hạn

	30/09/2021 (VND)		01/01/2021 (VND)	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Các nhà cung cấp là bên liên quan	***1.260.000***	***1.260.000***	***1.260.000***	***1.260.000***
- Công ty Cổ phần Mỹ thuật và Truyền thông	1.260.000	1.260.000	1.260.000	1.260.000
Các nhà cung cấp là bên thứ ba	***182.658.684***	***182.658.684***	***448.916.064***	***448.916.064***
- Công ty TNHH Cơ khí Hoàng Hà	86.074.924	86.074.924	86.074.924	86.074.924
- Công ty TNHH Công Nghệ Công Nghiệp Thành Thái Việt Nam	81.400.000	81.400.000	81.400.000	81.400.000
- Các nhà cung cấp khác	15.183.760	15.183.760	281.441.140	281.441.140
Cộng	**183.918.684**	**183.918.684**	**450.176.064**	**450.176.064**

6.13 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	30/09/2021 (VND)		01/01/2021 (VND)	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
- Thuế giá trị gia tăng	15.779.865	15.779.865	18.397.596	18.397.596
- Thuế thu nhập cá nhân	6.515.357	6.515.357	6.974.381	6.974.381
- Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	-	1.000.000	1.000.000
Cộng	**22.295.222**	**22.295.222**	**26.371.977**	**26.371.977**

Tình hình biến động của các khoản phải nộp Nhà nước

	01/01/2021 (VND)		Số phát sinh trong kỳ (VND)		30/09/2021 (VND)	
	Phải nộp	Phải thu	Số phải nộp	Số đã nộp	Phải nộp	Phải thu
Thuế giá trị gia tăng	18.397.596	-	308.655.225	(311.272.956)	15.779.865	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	40.058.015	5.651.231	(32.667.901)	-	67.074.685
Thuế thu nhập cá nhân	6.974.381	-	527.750	(986.774)	6.515.357	-
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	1.000.000	-	5.000.000	(6.000.000)	-	-
Cộng	**26.371.977**	**40.058.015**	**319.834.206**	**(350.927.631)**	**22.295.222**	**67.074.685**

Quyết toán thuế của Nhóm Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

6.14 Phải trả ngắn hạn khác

	30/09/2021 (VND)	01/01/2021 (VND)
Kinh phí công đoàn	***44.205.995***	***38.592.851***
Tài sản thừa chờ giải quyết	***3.138.902***	***3.138.902***
Phải trả khác	***544.162.991***	***42.107.991***
Phải trả ngắn hạn khác các bên thứ ba	***544.162.991***	***42.107.991***
- Phải trả tiền nhận chuyển nhượng cổ phần	520.000.000	-
- Phải trả cổ tức	14.545.750	14.545.750
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	9.617.241	27.562.241
Cộng	**591.507.888**	**83.839.744**

6.15 Vốn chủ sở hữu

Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu (VND)	Thặng dư vốn cổ phần (VND)	Cổ phiếu quỹ (VND)	Quỹ đầu tư phát triển (VND)	Lợi nhuận chưa phân phối (VND)	Tổng (VND)
01/01/2020	18.049.800.000	(60.093.500)	(914.353.746)	1.914.347.993	625.978.112	19.615.678.859
Lãi trong năm trước	-	-	-	-	164.557.714	164.557.714
31/12/2020	**18.049.800.000**	**(60.093.500)**	**(914.353.746)**	**1.914.347.993**	**790.535.826**	**19.780.236.573**
01/01/2021	18.049.800.000	(60.093.500)	(914.353.746)	1.914.347.993	790.535.826	19.780.236.573
Lãi trong kỳ này	-	-	-	-	61.151.326	61.151.326
Tăng vốn trong năm nay (i)	900.000.000.000	(64.135.374)	-	-	-	899.935.864.626
Tái phát hành cổ phiếu quỹ (ii)	-	1.810.556.254	914.353.746	-	-	2.724.910.000
30/09/2021	**918.049.800.000**	**1.686.327.380**	**-**	**1.914.347.993**	**851.687.152**	**922.502.162.525**

(i) Thực hiện Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên Công ty số 02/2020/NQ-ĐHĐCĐ ngày 26/04/2020 đã quyết nghị thông qua phương án phát hành cổ phiếu riêng lẻ với việc chào bán số lượng 90.000.000 cổ phiếu cho các nhà đầu tư dự kiến theo danh sách để tăng vốn điều lệ, và các Nghị quyết của Hội đồng Quản trị số 0211/2020/NQ-HĐQT ngày 02/11/2020, Nghị quyết số 1012/2020/NQ-HĐQT ngày 10/12/2020 và Nghị quyết số 0501/2021/NQ-HĐQT ngày 05/01/2021. Công ty đã phát hành thành công số lượng 90.000.000 Cổ phiếu cho 07 cổ đông, thông tin chi tiết:

- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành: 90.000.000 cổ phiếu;
- Số lượng cổ phiếu thực tế phát hành: 90.000.000 cổ phiếu;
- Tổng số tiền thu được từ đợt chào bán: 900 tỷ VND;
- Danh sách 07 nhà đầu tư:
  + Trịnh Ngọc Khánh mua 4.400.000 cổ phiếu;
  + Hồng Bảo Ngân mua 4.400.000 cổ phiếu;
  + Trương Hiền Vũ mua 4.400.000 cổ phiếu;
  + Nguyễn Thu Thảo mua 4.400.000 cổ phiếu;
  + Mai Lê Hồng Sương mua 22.400.000 cổ phiếu;
  + Võ Mỹ Tiên mua 25.000.000 cổ phiếu;
  + Nguyễn Thị Kim Hiếu mua 25.000.000 cổ phiếu.
- Mục đích sử dụng vốn: Toàn bộ số tiền thu được từ đợt phát hành đã được dùng để mua cổ phiếu Công ty Cổ phần Hưng Vượng Developer.

(ii) Thực hiện Nghị quyết của Hội đồng Quản trị số 0402/2021/NQ-HĐQT ngày 04/02/2021 đã quyết nghị thông qua phương án bán cổ phiếu quỹ của Công ty và Báo cáo Kết quả giao dịch bán cổ phiếu quỹ số 01/BCKQ/CPQ-HTP ngày 24/03/2021, kết quả giao dịch bán cổ phiếu quỹ của Công ty như sau:

- Tổng số lượng cổ phiếu đăng ký bán: 159.400 cổ phiếu;
- Số lượng đã thực hiện: 159.400 cổ phiếu;
- Số lượng cổ phiếu quỹ trước khi thực hiện giao dịch: 159.400 cổ phiếu;
- Số lượng cổ phiếu quỹ hiện tại: 0 cổ phiếu;
- Mục đích bán cổ phiếu quỹ: Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty;
- Giá giao dịch bình quân: 17.095 đồng/cổ phiếu;
- Thời gian thực hiện: Từ ngày 25/02/2021 đến ngày 19/03/2021;
- Phương thức giao dịch: Giao dịch khớp lệnh và/hoặc thỏa thuận.

Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Từ 01/01/2021 đến 30/09/2021 (VND)	Từ 01/01/2020 đến 30/09/2020 (VND)
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
Vốn góp đầu kỳ	18.049.800.000	18.049.800.000
Vốn góp tăng trong kỳ	900.000.000.000	-
Vốn góp giảm trong kỳ	-	-
Vốn góp cuối kỳ	918.049.800.000	18.049.800.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	-	-

Cổ phiếu

	30/09/2021 (VND)	01/01/2021 (VND)
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	91.804.980	1.804.980
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	91.804.980	1.804.980
- *Cổ phiếu phổ thông*	*91.804.980*	*1.804.980*
Số lượng cổ phiếu được mua lại (cổ phiếu quỹ)	-	159.400
- *Cổ phiếu phổ thông*	-	*159.400*
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	91.804.980	1.645.580
- *Cổ phiếu phổ thông*	*91.804.980*	*1.645.580*

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND/cổ phiếu.

Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu:

	Vốn thực góp tại ngày 30/09/2021	
	Số tiền (VND)	Tỷ lệ (%)
- Công ty TNHH MTV Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	3.816.000.000	0,42%
- Công ty TNHH Đà Nẵng HQ Investment	3.150.000.000	0,34%
- Đinh Thị Hoài Thương	2.650.000.000	0,29%
- Vũ Lã Mạnh Hào	2.450.000.000	0,27%
- Hoàng Bảo Ngân	44.000.000.000	4,79%
- Mai Hồng Sương	224.000.000.000	24,40%
- Nguyễn Thị Kim Hiếu	250.000.000.000	27,23%
- Nguyễn Thu Thảo	44.000.000.000	4,79%
- Trịnh Ngọc Khánh	44.000.000.000	4,79%
- Trương Hiền Vũ	44.000.000.000	4,79%
- Võ Mỹ Tiên	250.000.000.000	27,23%
- Các cổ đông khác	5.983.800.000	0,65%
Cộng	**918.049.800.000**	**100,00%**

7 THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG III NĂM 2021

7.1. Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Quý III năm 2021 (VND)	Quý III năm 2020 (VND)	Từ 01/01/2021 đến 30/09/2021 (VND)	Từ 01/01/2020 đến 30/09/2020 (VND)
- Doanh thu in, cắt rọc	526.127.648	1.355.523.275	4.253.416.141	6.597.567.799
- Doanh thu khác	114.708.962	40.805.777	385.662.290	394.722.564
Cộng	**640.836.610**	**1.396.329.052**	**4.639.078.431**	**6.992.290.363**

Doanh thu với các bên liên quan:

	Từ 01/01/2021 đến 30/09/2021 (VND)	Từ 01/01/2020 đến 30/09/2020 (VND)
- Nhà xuất bản Giáo dục tại Thành phố Đà Nẵng	1.656.881.954	3.205.213.995
- Công ty Cổ phần Sách Giáo dục tại Thành phố Đà Nẵng	385.717.001	304.029.751
- Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Giáo dục Đà Nẵng	2.192.311.618	1.571.873.812
- Công ty Cổ phần In và Dịch vụ Đà Nẵng	203.545.000	-
- Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Giáo dục Hà Nội	-	1.403.097.736
Cộng	**4.438.455.573**	**6.484.215.294**

7.2. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp

	Quý III năm 2021 (VND)	Quý III năm 2020 (VND)	Từ 01/01/2021 đến 30/09/2021 (VND)	Từ 01/01/2020 đến 30/09/2020 (VND)
- Giá vốn in, cắt rọc	826.328.882	1.204.947.294	4.588.660.956	6.068.652.210
- Gía vốn hoạt động khác	1.750.000	5.349.735	4.025.000	136.732.347
Cộng	**828.078.882**	**1.210.297.029**	**4.592.685.956**	**6.205.384.557**

7.3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Quý III năm 2021 (VND)	Quý III năm 2020 (VND)	Từ 01/01/2021 đến 30/09/2021 (VND)	Từ 01/01/2020 đến 30/09/2020 (VND)
- Lãi tiền gửi, lãi cho vay	254.502.788	264.496.242	765.217.706	798.525.052
- Cổ tức, lợi nhuận được chia	-	-	38.546.400	47.066.000
- Lãi chuyển nhượng khoản đầu tư	390.086.483	-	420.682.875	25.850.000
Cộng	**644.589.271**	**264.496.242**	**1.224.446.981**	**871.441.052**

7.4. Chi phí tài chính

	Quý III năm 2021 (VND)	Quý III năm 2020 (VND)	Từ 01/01/2021 đến 30/09/2021 (VND)	Từ 01/01/2020 đến 30/09/2020 (VND)
- Lỗ chuyển nhượng khoản đầu tư chứng khoán kinh doanh	4.462.208	-	91.408.623	2.438.102
- Hoàn nhập/trích chi phí dự phòng	10.443.132	-	(50.334.513)	29.218.541
- Chi phí hoạt động tài chính khác	-	-	-	7.283
Cộng	**14.905.340**	**-**	**41.074.110**	**31.663.926**

7.5. Chi phí bán hàng

	Quý III năm 2021 (VND)	Quý III năm 2020 (VND)	Từ 01/01/2021 đến 30/09/2021 (VND)	Từ 01/01/2020 đến 30/09/2020 (VND)
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	-	-	1.659.091	-
- Chi phí bằng tiền khác	-	-	18.009.091	2.000.000
Cộng	**-**	**-**	**19.668.182**	**2.000.000**

7.6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Quý III năm 2021 (VND)	Quý III năm 2020 (VND)	Từ 01/01/2021 đến 30/09/2021 (VND)	Từ 01/01/2020 đến 30/09/2020 (VND)
- Chi phí nhân viên quản lý	224.825.653	572.915.273	698.382.587	1.056.247.082
- Chi phí vật liệu, đồ dùng quản lý	6.461.034	8.613.345	29.633.812	38.792.688
- Chi phí khấu hao TSCĐ	-	15.439.092	28.819.638	46.317.276
- Thuế, phí và lệ phí	-	-	5.000.000	11.636.842
- Hoàn nhập/trích chi phí dự phòng	13.281.960	-	13.281.960	-
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	123.046.484	14.288.047	129.880.275	72.216.064
- Chi phí bằng tiền khác	56.754.546	-	314.369.431	222.124.972
Cộng	**424.369.677**	**611.255.757**	**1.219.367.703**	**1.447.334.924**

7.7. Thu nhập khác

	Quý III năm 2021 (VND)	Quý III năm 2020 (VND)	Từ 01/01/2021 đến 30/09/2021 (VND)	Từ 01/01/2020 đến 30/09/2020 (VND)
- Lãi từ thanh lý tài sản cố định	-	-	54.521.456	-
- Thu nhập khác	-	40.224.294	24.162.136	40.224.294
Cộng	**-**	**40.224.294**	**78.683.592**	**40.224.294**

7.8. Chi phí khác

	Quý III năm 2021 (VND)	Quý III năm 2020 (VND)	Từ 01/01/2021 đến 30/09/2021 (VND)	Từ 01/01/2020 đến 30/09/2020 (VND)
- Phạt thuế, phạt vi phạm hành chính	1.910.496	-	124.047.360	-
- Chi phí khác	700.000	11.667.468	700.000	11.667.468
Cộng	**2.610.496**	**11.667.468**	**124.747.360**	**11.667.468**

7.9. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Từ 01/01/2021 đến 30/09/2021 (VND)	Từ 01/01/2020 đến 30/09/2020 (VND)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp trên thu nhập chịu thuế kỳ hiện hành	5.651.231	32.093.091
Cộng	**5.651.231**	**32.093.091**

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được dự tính như sau:

	Từ 01/01/2021 đến 30/09/2021 (VND)	Từ 01/01/2020 đến 30/09/2020 (VND)
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	66.802.557	205.904.834
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế TNDN:	(38.546.400)	(45.439.378)
- Điều chỉnh tăng	-	*1.626.622*
+ Chi phí không hợp lệ	-	*1.626.622*
- Điều chỉnh giảm	*38.546.400,0*	*47.066.000*
+ Cổ tức được chia trong năm	*38.546.400*	*47.066.000*
Thu nhập tính thuế	28.256.157	160.465.456
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	20%
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	**5.651.231**	**32.093.092**

8 THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG QUÝ III NĂM 2021

8.1. Các giao dịch không bằng tiền

Trong kỳ, các giao dịch không bằng tiền như sau:

	Từ 01/01/2021 đến 30/09/2021 (VND)	Từ 01/01/2020 đến 30/09/2020 (VND)
Lãi cho vay chưa thu	754.227.948	-

9 THÔNG TIN KHÁC

9.1. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ tài chính

Đến ngày lập báo cáo này, không có sự kiện nào có thể làm cho các số liệu và thông tin đã được trình bày trong Báo cáo tài chính riêng Quý III năm 2021 kết thúc vào ngày 30/09/2021 của Công ty bị phản ánh sai lệch.

9.2. Thông tin về các bên có liên quan

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan

Các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan gồm: các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng và các thành viên mật thiết trong gia đình các cá nhân này.

Trong kỳ, các nghiệp vụ phát sinh trong năm giữa Công ty với các thành viên chủ chốt như và các cá nhân có liên quan sau:

	Từ 01/01/2021 đến 30/09/2021 (VND)
Ông Lê Quốc Kỳ Quang	
Tạm ứng	2.000.000.000
Hoàn ứng	(55.000.000)

Tại ngày kết thúc năm tài chính, công nợ với các thành viên chủ chốt như và các cá nhân có liên quan sau

	30/09/2021 (VND)	01/01/2021 (VND)
Phải thu khác	**1.945.000.000**	**-**
Ông Lê Quốc Kỳ Quang	1.945.000.000	-
Cộng nợ phải thu	**1.945.000.000**	**-**

Các bên liên quan

Các bên được xem là các bên có liên quan khi một bên có khả năng kiểm soát bên kia hoặc tạo ra ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong các quyết định về tài chính và kinh doanh. Trong kỳ tài chính và tại ngày kết thúc kỳ tài chính, bên sau đây được nhận biết là bên liên quan của Công ty:

Bên liên quan	Mối quan hệ
- Nhà xuất bản Giáo dục tại Thành phố Đà Nẵng	Cùng chủ đầu tư
- Công ty Cổ phần Sách Giáo dục tại Thành phố Đà Nẵng	Cùng chủ đầu tư
- Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Giáo dục Đà Nẵng	Cùng chủ đầu tư
- Công ty Cổ phần In và Dịch vụ Đà Nẵng	Cùng chủ đầu tư
- Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Giáo dục Hà Nội	Cùng chủ đầu tư
- Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị Giáo dục Miền Trung	Cùng chủ đầu tư
- Công ty Cổ phần Mỹ thuật và Truyền thông	Cùng chủ đầu tư

Nghiệp vụ với các bên liên quan

Trong kỳ tài chính các nghiệp vụ của Công ty với các bên có liên quan như sau:

	Từ 01/01/2021 đến 30/09/2021 (VND)	Từ 01/01/2020 đến 30/09/2020 (VND)
Nhà xuất bản Giáo dục tại Thành phố Đà Nẵng		
Cung cấp dịch vụ	1.656.881.954	3.205.213.995
Công ty Cổ phần Sách Giáo dục tại Thành phố Đà Nẵng		
Cung cấp dịch vụ	385.717.001	304.029.751
Nhận cổ tức	10.046.400	13.108.000
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Giáo dục Đà Nẵng		
Cung cấp dịch vụ	2.192.311.618	1.571.873.812
Mua hàng hóa	-	(838.390.950)
Nhận cổ tức	7.500.000	8.550.000
Công ty Cổ phần In và Dịch vụ Đà Nẵng		
Cung cấp dịch vụ	203.545.000	-
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Giáo dục Hà Nội		
Cung cấp dịch vụ	-	1.403.097.736
Mua hàng hóa	-	(117.390.000)
Nhận cổ tức	2.400.000	4.810.000
Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị Giáo dục Miền Trung		
Mua hàng hóa	(15.409.091)	(11.927.273)
Nhận cổ tức	3.000.000	3.000.000

Số dư với các bên liên quan

Vào ngày kết thúc kỳ tài chính, các khoản phải thu, phải trả của Công ty với các bên có liên quan được thể hiện như sau:

	30/09/2021 (VND)	01/01/2021 (VND)
Phải thu khách hàng	***389.092.440***	***396.086.066***
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Giáo dục Đà Nẵng	50.996.407	-
Nhà xuất bản Giáo dục tại Thành phố Đà Nẵng	195.946.331	396.086.066
Công ty Cổ phần Sách Giáo dục tại Thành phố Đà Nẵng	24.288.702	-
Công ty Cổ phần In và Dịch vụ Đà Nẵng	117.861.000	-
Cộng nợ phải thu	**389.092.440**	**396.086.066**

	30/09/2021 (VND)	01/01/2021 (VND)
Phải trả người bán	***1.260.000***	***1.260.000***
Công ty Cổ phần Mỹ thuật và Truyền thông	1.260.000	1.260.000
Cộng nợ phải trả	**1.260.000**	**1.260.000**

9.3. Thông tin so sánh

Thông tin so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính riêng Quý III năm 2021 kết thúc vào ngày 30/09/2020 và Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020 đã được kiểm toán.

9.4. Tính hoạt động liên tục của Công ty

Không có bất kỳ sự kiện nào gây ra sự nghi ngờ lớn về khả năng hoạt động liên tục và Công ty không có ý định cũng như buộc phải ngừng hoạt động, hoặc thu hẹp đáng kể quy mô hoạt động của mình.

9.5. Thông tin về bộ phận

Công ty báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo các lĩnh vực hoạt động, bao gồm: In ấn sách và ấn phẩm và các dịch vụ ngành in. Chi tiết báo cáo bộ phận theo từng ngành nghề như sau:

	In, cắt rọc (VND)	Dịch vụ liên quan ngành in (VND)	Tổng cộng (VND)
Doanh thu thuần từ bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ theo bộ phận	4.253.416.141	385.662.290	4.639.078.431
Giá vốn hàng bán theo bộ phận	(4.588.660.956)	(4.025.000)	(4.592.685.956)
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ theo bộ phận	**(335.244.815)**	**381.637.290**	**46.392.475**
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận			(1.239.035.885)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh			**(1.192.643.410)**
Doanh thu tài chính			1.224.446.981
Chi phí tài chính			(41.074.110)
Thu nhập khác			78.683.592
Chi phí khác			(2.610.496)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành			(5.651.231)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại			-
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp			**61.151.326**

Ngày 30 tháng 10 năm 2021

Kế toán trưởng	Tổng Giám đốc
ĐỖ TUẤN ANH	PHẠM DUY